**BÀI 4. NÉT ĐẸP VĂN HÓA VÀ CẢNH QUAN**

**( VĂN BẢN THÔNG TIN)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về năng lực đặc thù:**

**- Học sinh trình bày** các kiến thức về văn bản thông tin và tóm tắt các văn bản thông tin đã học

**- Học sinh nêu** được bài học kinh nghiệm về việc đọc hiểu các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin, rút ra (những) điểm cần chú ý khi tạo lập văn bản có sử dụng các phương tiện ấy.

**- Học sinh trình bày** các lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu và trình bày kết quả báo cáo nghiên cứu về vấn đề tự nhiên và xã hội

**2. Về năng lực chung: Học sinh phát triển**: Tư duy phản biện, năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề,….

**3. Về phẩm chất**: Liên hệ các vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC, HỌC LIỆU**

**1. Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, phiếu học tập

**2. Thiết bị**: Máy chiếu, bảng, dụng cụ khác nếu cần.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | **SẢN PHẨM** |
| **1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG – TẠO TÂM THẾ** **a. Mục tiêu hoạt động**: Tạo tâm thế thoải mái và gợi dẫn cho học sinh về nội dung bài học**b. Nội dung thực hiện**: * GV cho HS điền bảng K – W – L nhắc lại những kiến thức đã học trong chủ đề
 |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** GV chiếu bảng**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh suy nghĩ và trả lời **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên dẫn dắt vào bài học | **GV linh hoạt sử dụng phần trả lời của HS**  |
| **2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI****a. Mục tiêu hoạt động**: **- Học sinh trình bày** các kiến thức về văn bản thông tin và tóm tắt các văn bản thông tin đã học **- Học sinh nêu** được bài học kinh nghiệm về việc đọc hiểu các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin, rút ra (những) điểm cần chú ý khi tạo lập văn bản có sử dụng các phương tiện ấy.**- Học sinh trình bày** các lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu và trình bày kết quả báo cáo nghiên cứu về vấn đề tự nhiên và xã hội **b. Nội dung thực hiện:** Học sinh thảo luận nhóm – Làm phiếu bài tập – Thuyết trình tranh luận.  |
| **VỀ KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU (kết hợp THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT)** **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** * Giáo viên giao nhiệm vụ

Câu 1 – 2 – 3 HS thảo luận nhóm 4 – 6 HS Thời gian: 15ph **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh thực hiện **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ bài làm **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản  | Tham khảo phần giải bài tập ở phụ lục  |
| **VỀ KĨ NĂNG VIẾT – NÓI NGHE** **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** * Giáo viên giao nhiệm vụ

Câu 4 - 5. HS thảo luận nhóm đôi Thời gian: 10ph **Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh thực hiện nhiệm vụ **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ bài làm **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | Tham khảo đáp án ở phần phụ lục |
| **3. HOẠT ĐỘNG 3: LIÊN HỆ - MỞ RỘNG** **a. Mục tiêu hoạt động**: Liên hệ các vấn đề giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc **b. Nội dung thực hiện:** Học sinh viết bài viết ngắn  |
| **Bước 1. Giao nhiệm vụ học tập** Giáo viên giao nhiệm vụ câu hỏi 6 (Hoàn thiện cá nhân)**Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ**Học sinh thực hiện chia sẻ **Bước 3. Báo cáo, thảo luận** Học sinh chia sẻ **Bước 4. Kết luận, nhận định** Giáo viên chốt những kiến thức cơ bản | GV linh hoạt sử dụng câu trả lời của HS |

***Phụ lục 1. Đáp án bài tập***

**Bài 1. Trình bày những hiểu biết của bạn về đặc điểm của văn bản thông tin.**

(Dựa vào phần nội dung tri thức Ngữ văn để ôn tập)

**1. Mục đích:** Văn bản thông tin được viết nhằm mục đích chủ yếu là cung cấp thông tin cho người đọc. Để truyền tải thông tin sinh động, hiệu quả, văn bản thông tin có thể sử dụng kết hợp nhiều nguồn thông tin, nhiều cách trình bày (dạng chữ, dạng hình ảnh/ sơ đồ/ bảng biểu,...), nhiều phương thức biểu đạt (thuyết minh, miêu tả, tự sự, biểu cảm, nghị luận,...).

**2. Các yếu tố hình thức trong văn bản thông tin:** Văn bản thông tin có thể sử dụng một số yếu tố hình thức (bao gồm cả phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ) để biểu thị cách sắp xếp, cấu trúc thông tin trong văn bản hoặc làm cho các ý tưởng và thông tin hấp dẫn, sinh động, dễ hiểu. Chẳng hạn như: nhan đề; kí hiệu đánh dấu các phần, mục chú thích cho hình ảnh; bảng số liệu; biểu đồ, sơ đồ, lược đồ; mô hình bản đồ,...

**3. Dữ liệu** trong văn bản thông tin là sự thật hiển nhiên hoặc những phát biểu/ tuyên bố được xác minh bằng những bằng chứng cụ thể, được đo lường, quan sát một cách khoa học và mọi người công nhận. Vì thế, dữ liệu mang tính khách quan và là yếu tố làm nên tính chính xác, đáng tin cậy của văn bản thông tin.

**4. Thái độ, ý kiến, quan điểm** của người viết trong văn bản thông tin thường được trình bày dưới dạng những phát biểu thể hiện niềm tin, cảm nhận hoặc suy nghĩ của người viết về một vấn đề/ đối tượng nào đó. Ý kiến, quan điểm có thể được/ không được xác minh bằng sự thật hoặc chứng cứ cụ thể, vì đó có thể là những suy nghĩ cảm tính hoặc diễn giải của người viết về thông tin, dữ liệu. Vì vậy, thái độ, ý kiến và quan điểm thường mang tính chủ quan. Đó là lí do dẫn đến hiện tượng cùng một dữ liệu, nhưng có thể có nhiều ý kiến, quan điểm khác nhau về dữ liệu ấy.

**5. Thông tin cơ bản** của văn bản là thông tin quan trọng nhất mà người viết muốn truyền tải văn bản. Thông tin cơ bản được hỗ trợ bởi các thông tin chi tiết. qua

**6. Cách trình bày ý tưởng và thông tin, dữ liệu**: Ý tưởng và thông tin, dữ liệu trong văn bản thông tin thường được trình bày theo một số cách nhất định để hỗ trợ người đọc nhận ra mối liên hệ giữa chúng chẳng hạn như: ý chính và nội dung chi tiết, trật tự thời gian, cấu trúc nguyên nhân – kết quả, cấu trúc so sánh – đối chiếu, cấu trúc vấn đề – cách giải quyết.

**Bài 2. Tóm tắt ba văn bản đã học (Sơn Đoòng – thế giới chỉ có một; Đồ gốm gia dụng của người Việt; Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai) theo các phương diện sau: đề tài; thông tin cơ bản và một số thông tin chi tiết thể hiện thông tin cơ bản; cách trình bày dữ liệu, thông tin và hiệu quả của cách trình bày; đặc trưng về yếu tố hình thức và vai trò của các yếu tố ấy đối với việc thể hiện thông tin chính của văn bản; thái độ, quan điểm của người viết; phương tiện phi ngôn ngữ.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phương diện tóm tắt** | **Sơn Đoòng – thế giới chỉ có một** | **Đồ gốm gia dụng của người Việt** | **Cung đường của kí ức, hiện tại và tương lai** |
| **Đề tài** | Những nét độc đáo của hang Sơn Đoòng | Những điểm đặc biệt của đồ gốm gia dụng Việt Nam qua một số giai đoạn lịch sử | Giá trị của tàu điện Hà Nội. |
| **Thông tin cơ bản và một số thông tin chi tiết thể hiện thông tin cơ bản** | **Thông tin cơ bản**: Sơn Đoòng là Đệ nhất kì và định trong nhà có lịch sử quan hướng cụ thể để phát triển bền vững hang Sơn Đoòng**Một số thông tin chi tiết:** Quá trình phát hiện ra hang; những điểm đặc biệt của hang; ý kiến về cách khai thác và bảo tổn hạng. | **Thông tin cơ bản:** Đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà có sự phát triển liên tục, điển hình là trường hợp của cái bát ăn cơm; đặc điểm của đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần.**Một số thông tin chi tiết:** Các chi tiết liền quan đến lịch sử phát triển của cái bát ăn cơm; các chi tiết về đặc điểm thanh nhã của đồ gốm gia dụng thời Lý – Trần; các chi tiết về sự phân biệt trong một số xu hướng dùng đồ gốm từ sau thế kỉ XV. | **Thông tin cơ bản:** Thông tin về tàu điện trong quá khứ, hiện tại và những đề xuất xây dựng lại hệ thống tàu điện.**Một số thông tin chi tiết:** Giá trị văn hoá, lịch sử, khoa học của hệ thống tàu điện Hà Nội xưa; việc giữ lại và cải tạo hệ thống tàu điện ở nước ngoài; đề xuất khôi phục lại hệ thống tàu điện Hà Nội. |
| **Cách trình bày dữ liệu, thông tin và hiệu quả của cách trình bày** | **Kết hợp hai cách:** Trật tự thời gian, ý trình bày và nội dung chi tiết.**Hiệu quả:** Giúp người đọc hiểu rõ hơn về lịch sử phát hiện, tìm kiếm và công bố thông tin về Sơn Đoòng; mối quan hệ giữa thông tin cơ bản và nội dung chi tiết**.**  | **Kết hợp các cách:** ý chính và nội dung chi tiết; so sánh – đối chiếu.**Hiệu quả:** Góp phần làm nổi bật thông tin chính, chi tiết hoá để làm rõ thông tin chính. | **Kết hợp cách:** nêu ý chính và nếu nội dung chi tiết (7 đoạn đầu), so sánh – đối chiếu (việc hệ – thống tàu điện ở Hà Nội bị bỏ với việc hệ thống tàu điện ở cácnước được giữ lại, phát triển).**Hiệu quả:** Góp phần chi tiết hoá thông tin chính, làm nổi bật thông tin chính |
| **Đặc trưng về yếu tố hình thức và vai trò của các yếu tố ấy đối với việc thể hiện thông tin chính của VB** | - Sử dụng nhan đề và hệ thống đề mục, sơ đồ, hình ảnh và các chú thích cho các phương tiện phi ngôn ngữ.**Vai trò:** Làm rõ bố cục của VB; làm nổi bật nội dung chính; minh hoạ trực quan, làm cho thông tin của VB trở nên cụ thể, rõ ràng, sinh động, dễ hiểu. | **-** Sử dụng nhan đề, hình ảnh minh hoạ và các chú thích tương ứng với từng hình, không sử dụng hệ thống các đề mục để tóm tắt các thông tin chính của VB.**Vai trò:** Nhan đề khái - quát thông tin chính của VB; hệ thống hình ảnh đi kèm với các chú thích cụ thể; trực quan của thông tin. | **-** Sử dụng nhan đề, bản đồ, hình ảnh, số liệu, không sử dụng hệ thống các đề mục để tóm tắt các thông tin chính của VB.**Vai trò:** Làm cho thông tin của VB trở nên cụ thể, rõ ràng, sinh động, dễ hiểu. |
| **Thái độ, quan điểm của người viết** | **- Thái độ:** Ngợi ca, tự hào xen lẫn thán phục tạo tác kì diệu của thiên nhiên; trân quý tuyệt tác mà thiên nhiên ban tặng.**- Quan điểm:** Khai thác cánh quan nhưng phải đi đội với việc giữ gìn, bảo vệ các giá trị độc đáo của cảnh quan | **- Thái độ:** Khẳng định đồ gốm sứ nhỏ dùng trong nhà có một lịch sử phát triển liên tục; ngạc nhiên pha lẫn thích thú trước đặc điểm thanh nhã của đồ gốm gia dụng thời Lý Trần; khách quan khi phảnánh sự phân biệt về xu hướng sử dụng đồ gốm giữa dân gian và triều đình, giữa dân thành thị và nông thôn**.****- Quan điểm:** Chưa thể hiện rõ quan điểm của tác giả. | **- Thái độ:** Yêu quý, tự hào, thán phục giá trị lịch sử, văn hoá của hệ thống tàu điện xưa của Hà Nội**- Quan điểm:** Nên khôi phục và xây dựng hệ thống tàu điện vừa hiện đại, vừa thể hiệnnhững giá trị của lịch sử. |
| **Phương tiện phi ngôn ngữ** | Hình ảnh, số liệu. | Hình ảnh, số liệu. | Bản đồ, hình ảnh, số liệu. |

**Bài 3. Nêu ít nhất một bài học kinh nghiệm về việc đọc hiểu các phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản thông tin. Từ đó, rút ra (những) điểm cần chú ý khi tạo lập văn bản có sử dụng các phương tiện ấy.**

**- Bài học kinh nghiệm:** Quan sát hình ảnh, đọc kĩ chú thích, gắn với nội dung được nói đến trong văn bản

**- Điều cần chú ý:**

+ Hình ảnh rõ ràng, có sự kết nối với nội dung

+ Chú thích đầy đủ, rõ ràng

+ Đưa ra những phương tiện ngay sau phần nội dung đã trình bày để làm rõ cho nội dung trình bày

**Bài 4. Trình bày một số điểm cần lưu ý khi viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề tự nhiên hoặc xã hội.**

**1. Lưu ý về đề tài:**

- Đề tài cụ thể, gần gũi với HS, nằm trong mối quan tâm của các em

- Gắn với thực tế địa phương, có tính thời sự

- Có tính khả thi (phù hợp với năng lực và điều kiện thực hiện của HS)

- Là vấn đề đang được nhiều người quan tâm**.**

**2. Lưu ý về cách làm bài**

- Nghiên cứu gắn với số liệu và cơ sở thực tiễn

- Lưu ý về quy cách viết bài và trình bày bài nghiên cứu (đủ các phần và có đề mục đầy đủ, cần bổ sung các bảng biểu, số liệu thông kê nếu cần,…)

**3. Lưu ý về trích dẫn**

- Cần trích dẫn nguồn đầy đủ, đúng quy cách và tiêu chuẩn

**Bài 5. Ghi lại những kinh nghiệm về cách trình bày kết quả nghiên cứu.**

- Chuẩn bị bài nói bằng cách xây dựng dàn ý ngắn gọn, gạch các từ khóa sẽ trình bày

- Dùng sơ đồ để tóm tắt nội dung báo cáo.

- Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói.

- Kết hợp sử dụng ngôn ngữ nói với phương tiện phi ngôn ngữ như: bài trình chiếu, hình ảnh, video clip, sơ đồ, bảng biểu,...

- Sử dụng các từ nối để phần trình bày mạch lạc, rõ ràng

- Tốc độ nói phù hợp.

**Bài 6. Từ những gì đã học trong bài học này, hãy viết đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của bạn về ý nghĩa của việc giữ gìn bản sắc văn hoá của dân tộc trong bối cảnh hiện nay.**

Gợi ý dàn ý (Nguồn vndoc.com)

**1. Mở bài**

Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: việc giữ gìn bản sắc dân tộc.

Lưu ý: Học sinh tự lựa chọn cách dẫn mở bài trực tiếp hoặc gián tiếp tùy thuộc vào khả năng của mình.

**2. Thân bài**

*a. Thực trạng*

* Xã hội phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, con người hòa nhập với nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới.
* Nhiều bản sắc văn hóa của dân tộc đang ngày bị mai một, giới trẻ ngày càng ít quan tâm, tìm hiểu về những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta.

*b. Nguyên nhân*

* Chủ quan: ý thức của mỗi con người trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc chưa cao, họ cho rằng đó là việc của cơ quan Nhà nước, bản thân mình không có trách nhiệm.
* Khách quan: do việc tuyên truyền tầm quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc đến người dân chưa thực sự hiệu quả,…

*c. Hậu quả*

* Những giá trị truyền thống tốt đẹp ngày càng bị mai một dần đi, nhiều bản sắc đã và đang dần mất đi, giới trẻ bị thu hẹp tầm hiểu biết về những truyền thống tất yếu của dân tộc mình.
* Con người đánh mất đi giá trị cốt lõi của đất nước mình.

*d. Giải pháp*

* Mỗi cá nhân đặc biệt là học sinh chúng ta phải tìm hiểu những bản sắc văn hóa vốn có của dân tộc, giữ gìn và phát huy những giá trị đó với bạn bè năm châu.
* Nhà trường cần tổ chức nhiều hơn những hoạt động để tuyên truyền, mang đến cho học sinh nguồn tri thức về bản sắc văn hóa dân tộc.
* Học sinh cần phải đặt trách nhiệm giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc lên hàng đầu.
* Tích cực trau dồi hiểu biết của mình về những giá trị văn hóa tốt đẹp của nước nhà.

**3. Kết bài**

Khẳng định lại tầm quan trọng của bản sắc văn hóa dân tộc đồng thời rút ra bài học cho bản thân, cho các bạn trẻ.